

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG BIÊN**

Số: /UBND-VHXH

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng
dụng CNTT, CDS năm học 2025-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Biên, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập;
- Các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Thực hiện Công văn số 4195/SGDDT-VP ngày 13/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 8/8/2025 của UBND phường Long Biên về việc triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn phường Long Biên;

UBND phường Long Biên hướng dẫn các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (CNTT, CDS) năm học 2025-2026 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tham mưu, triển khai đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị.

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” tại đơn vị và phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo (Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”).

3. Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số GDĐT tại địa phương.

4. Tiếp tục triển khai, mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo Hà Nội tại <https://csdl.hanoi.edu.vn>, kết nối với các cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kết nối, liên thông từ

Trung ương đến các địa phương và với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số.

5. Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị nhà trường, dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng dùng chung (nền tảng và học liệu), tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Tiếp tục triển khai Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; khai thác tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học; đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

b) Nghiên cứu, áp dụng triển khai các mô hình dạy học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng kết hợp, tăng cường tương tác, trải nghiệm phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế (lớp học thông minh, học tương tác, tự học với trợ lý ảo).

c) Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp từng cấp học, từng nhóm đối tượng với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

d) Tăng cường xây dựng kho học liệu số (triển khai sử dụng công cụ, phần mềm bản quyền phục vụ việc xây dựng học liệu số, soạn bài giảng điện tử; học liệu số đa phương tiện; sách giáo khoa điện tử; phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng đề thi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Ngành trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính tại những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

e) Tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến (zoom, meet); học trực tuyến (E-learning) trên nền tảng LMS; nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng AI tổ chức hoạt động giáo dục.

f) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/5/2025 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 2642/KH-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 08/8/2025 của UBND phường về triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số".

g) Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử, thư viện số (phần mềm và cơ sở dữ liệu số hóa sách), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

h) Triển khai hệ thống phần mềm quản lý hiệu quả các trang thiết bị dạy học, phòng học chức năng, hồ sơ, tài liệu chuyên môn tại các nhà trường.

i) Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục, kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số, 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác được quản lý bằng hồ sơ số; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường.

b) Duy trì hệ sinh thái quản trị Ngành và nhà trường tại <https://csdl.hanoi.edu.vn> kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo đảm bảo 100% cơ sở giáo dục thực hiện các phân hệ: Quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe); App hỗ trợ xử lý nghiệp vụ, truyền thông của Ngành theo Công văn số 4427/SGDĐT-VP ngày 06/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về đơn đốc triển khai phần mềm truyền thông giáo dục hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành ngành GDĐT; quản lý đội ngũ; quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh); y tế học đường; thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục triển khai cung cấp chữ ký số cá nhân cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên phục vụ chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ, sổ

sách chuyên môn tích hợp chữ ký số cá nhân trong các trường học tiến tới mục tiêu quản lý chuyên môn không sử dụng giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của các đơn vị.

c) Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu. Tích hợp hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào hệ thống CSDL ngành;

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tại <https://csdl.hanoi.edu.vn> đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục

a) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; dịch vụ công nhận văn bằng ở mức độ toàn trình và các dịch vụ khác theo phân cấp.

b) Thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Tổ chức thực hiện tại các nhà trường

- Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phân công lãnh đạo đơn vị phụ trách và cán bộ làm đầu mối thực hiện triển khai các nhiệm vụ CNTT-CĐS;

- Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai nhiệm vụ CNTT - CĐS năm học 2025-2026 của nhà trường;

- Triển khai sâu rộng, hiệu quả, tạo sự lan tỏa toàn diện về nhận thức và hành động của Phong trào “Bình dân học vụ số” đến từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh;

- Triển khai hiệu quả việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoàn

thành trước ngày **30/5/2026**. Phòng Văn hóa - Xã hội tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị đánh giá mức độ chuyển đổi số các nhà trường; kết quả công nhận mức độ đáp ứng chuyển đổi số được tính vào thi đua cuối năm học 2025-2026 đối với các đơn vị trường học;

- Tổ chức tổng kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025-2026 trước ngày 31/5/2026. Thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu.

UBND phường Long Biên đề nghị các trường triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND phường;
- Như trên;
- Lưu: VT, VHXX. (02)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Bích Hằng

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [73/2019/NĐ-CP](#) ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.
14. Thông tư số [37/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 05/10/2020 quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường

xuân.

16. Thông tư số [42/2021/TT-BGDĐT](#) ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều 10 điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT).

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã các Thông tư [37/2020/TT-BGDĐT](#); [42/2021/TT-BGDĐT](#); 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25/2024/TT-BGDĐT).

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

30. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

31. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

32. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

33. Văn bản số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

34. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

35. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

36. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

37. Kế hoạch số 2642/KH-SGDĐT ngày 10/7/2025 về Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.